

Số: 17 /2015/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 29 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn
viện trợ phi Chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 109/2007/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ phi Chính phủ nước ngoài không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 48/TTr-SKHĐT ngày 01 tháng 7 năm 2015 và Báo cáo thẩm định số 173/BC-STP ngày 16 tháng 6 năm 2015 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh (VIC);
- UBND các huyện, thành phố CM (VIC);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh (VIC);
- Công TTĐT tỉnh;
- TT Công báo - Tin học;
- NV (N);
- Lưu: VT, Ktr58/7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hồng Quân
Trần Hồng Quân

QUY CHẾ

Vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn
viện trợ phi Chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Cà Mau
(Ban hành kèm theo Quyết định số 17 /2015/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh Cà Mau)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này điều chỉnh các hoạt động vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (sau đây viết tắt là PCPNN) đề cập trong Quy chế này được hiểu là viện trợ không hoàn lại, không vì mục đích lợi nhuận của Bên tài trợ để thực hiện các mục tiêu phát triển, nhân đạo dành cho tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

Đối tượng điều chỉnh trong Quy chế này gồm:

1. Bên tài trợ bao gồm: Các tổ chức PCPNN, các tổ chức và cá nhân người nước ngoài, các tập đoàn, công ty có vốn nước ngoài, cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài tôn trọng và chấp hành luật pháp Việt Nam, có thiện chí, cung cấp trực tiếp viện trợ không hoàn lại nhằm hỗ trợ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nhân đạo của tỉnh Cà Mau.

2. Đối tượng tiếp nhận viện trợ: Là các tổ chức thành lập theo pháp luật Việt Nam; có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của các khoản viện trợ PCPNN (sau đây được gọi là Bên tiếp nhận) gồm:

a) Các cơ quan, tổ chức Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh hoặc có các khoản viện trợ thực hiện trên địa bàn tỉnh.

b) Các sở, ban, ngành, cơ quan ngang sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh.

c) Các tổ chức thuộc các cơ quan của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cà Mau, Liên đoàn Lao động tỉnh Cà Mau, Tỉnh đoàn Cà Mau, Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Cà Mau, Hội Cựu chiến binh Việt Nam tỉnh Cà Mau, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Cà Mau, Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh Cà Mau, Hội Chữ thập đỏ tỉnh Cà Mau.

d) Các Hội, Liên hiệp hội; các tổ chức thuộc các Hội, Liên hiệp hội được thành lập theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

đ) Các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; quỹ xã hội, quỹ từ thiện trên địa bàn tỉnh Cà Mau được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.

e) Các tổ chức phi lợi nhuận khác.

g) Các tổ chức kinh tế (bao gồm cả các doanh nghiệp tư nhân) sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam (chỉ được tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN có mục tiêu, nội dung phù hợp sản phẩm, dịch vụ công ích mà tổ chức sản xuất, cung ứng).

Điều 3. Nguyên tắc cơ bản trong vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN

1. UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh Cà Mau, trên cơ sở công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp, gắn quyền hạn với trách nhiệm, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, tổ chức và các đơn vị thực hiện.

2. Các khoản viện trợ PCPNN khi được xây dựng và triển khai thực hiện phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết với Bên tài trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp các quy định hoặc điều kiện viện trợ của Bên tài trợ khác với các quy định của pháp luật Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Không tiếp nhận các khoản viện trợ PCPNN gây ảnh hưởng đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 4. Các phương thức cung cấp viện trợ PCPNN

1. Viện trợ thông qua các chương trình, dự án.

2. Viện trợ phi dự án (bao gồm cả cứu trợ khẩn cấp).

Điều 5. Lĩnh vực ưu tiên sử dụng viện trợ PCPNN

1. Viện trợ PCPNN được sử dụng hỗ trợ thực hiện các mục tiêu ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội, nhân đạo của tỉnh Cà Mau trong từng thời kỳ, chủ yếu bao gồm:

a) Phát triển nông nghiệp và nông thôn (bao gồm nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp, thủy sản) kết hợp xóa đói giảm nghèo.

b) Phát triển hạ tầng cơ sở xã hội (y tế, giáo dục và đào tạo, lao động, việc làm, dân số).

c) Bảo vệ môi trường và quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên; phòng chống, giảm nhẹ hậu quả thiên tai, dịch bệnh.

d) Tăng cường năng lực thể chế, quản lý, kỹ thuật và phát triển nguồn nhân lực; chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực nghiên cứu và triển khai.

đ) Các hoạt động nhân đạo.

2. Một số lĩnh vực khác theo quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chương II
VẬN ĐỘNG, ĐÀM PHÁN VÀ KÝ KẾT
CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI

Điều 6. Vận động viện trợ PCPNN

1. Vận động viện trợ PCPNN cho các mục tiêu phát triển được thực hiện trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cụ thể, chương trình đầu tư công cộng, định hướng và kế hoạch thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ bên ngoài của tỉnh trong từng thời kỳ; trên cơ sở năng lực tiếp nhận (kể cả nguồn vốn đối ứng) của Bên tiếp nhận.

2. Vận động viện trợ cho các mục đích nhân đạo được thực hiện trên cơ sở tình hình xã hội và nhu cầu thực tế của Bên tiếp nhận trong từng thời kỳ.

3. Vận động cứu trợ khẩn cấp được thực hiện trên cơ sở căn cứ vào mức độ thiệt hại cụ thể về người, tài sản, công trình đối với từng vùng, địa phương bị thiên tai hoặc thảm họa khác.

Điều 7. Đàm phán, ký kết viện trợ PCPNN

1. Các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh do UBND tỉnh chủ trì đàm phán hoặc ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thực hiện đàm phán.

2. Việc ký kết chương trình, dự án hoặc khoản viện trợ PCPNN được thực hiện theo các quy định hiện hành và chỉ tiến hành sau khi văn kiện chương trình, dự án hoặc thỏa thuận khoản viện trợ đó đã được UBND tỉnh phê duyệt và được thông báo chính thức bằng văn bản cho Bên tài trợ.

Chương III
CHUẨN BỊ, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ
PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI

Điều 8. Chuẩn bị, xây dựng văn kiện chương trình, dự án hoặc hồ sơ viện trợ phi dự án

1. UBND tỉnh giao một đơn vị hoặc tổ chức làm Chủ khoản viện trợ PCPNN (là các tổ chức, đơn vị được giao trách nhiệm trực tiếp tiếp nhận, quản lý, thực hiện khoản viện trợ PCPNN).

2. Nhiệm vụ của Chủ khoản viện trợ PCPNN hoặc Bên tiếp nhận:

a) Làm đầu mối phối hợp với các tổ chức trong nước và Bên tài trợ trong quá trình lập văn kiện chương trình, dự án và (hoặc) hồ sơ viện trợ phi dự án; đảm bảo tiến độ xây dựng, chất lượng, nội dung của văn kiện chương trình, dự án và hồ sơ viện trợ phi dự án.

b) Tổ chức huy động các nguồn lực thích hợp cho việc chuẩn bị chương trình, dự án và hồ sơ viện trợ phi dự án.

c) Lập kế hoạch chuẩn bị chương trình, dự án trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

d) Trong trường hợp cần thiết, kiến nghị với UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chuẩn bị khoản viện trợ PCPNN.

Điều 9. Vốn chuẩn bị các chương trình, dự án viện trợ PCPNN

1. Đối với các chương trình, dự án sử dụng viện trợ PCPNN thuộc nguồn thu của ngân sách Nhà nước, trên cơ sở đề xuất của Chủ khoản viện trợ hoặc Bên tiếp nhận, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Tài chính lập kế hoạch vốn chuẩn bị để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hàng năm của địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

2. Đối với các chương trình, dự án sử dụng viện trợ PCPNN không thuộc nguồn thu của ngân sách Nhà nước thì Chủ khoản viện trợ hoặc Bên tiếp nhận tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị chương trình, dự án thống nhất với các quy định hiện hành.

3. Trường hợp nhà tài trợ cung cấp hỗ trợ tài chính để chuẩn bị chương trình, dự án, Chủ khoản viện trợ hoặc Bên tiếp nhận có trách nhiệm đưa nguồn vốn chuẩn bị chương trình, dự án vào tổng vốn chung của khoản viện trợ PCPNN.

Điều 10. Nội dung chủ yếu của văn kiện chương trình, dự án và hồ sơ viện trợ phi dự án

1. Nội dung chủ yếu của văn kiện chương trình, dự án và hồ sơ viện trợ phi dự án.

Theo quy định tại Điều 9 của Quy chế Quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và kết cấu văn kiện, chương trình dự án phải được xây dựng theo mẫu Phụ lục 1a, 1b, 1c của Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

2. Hồ sơ khoản viện trợ PCPNN hợp lệ gồm:

a) Văn bản đề nghị trình phê duyệt của Chủ khoản viện trợ hoặc Bên tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN.

b) Văn bản của Bên tài trợ thống nhất với nội dung khoản viện trợ PCPNN và thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ cho khoản viện trợ PCPNN đó. Đối với khoản hàng hóa đã qua sử dụng thì Bên tài trợ phải có văn bản xác nhận khoản hàng hóa đó còn giá trị sử dụng hơn 80% so với lúc mới.

Việc xác nhận hàng hóa đã qua sử dụng còn giá trị sử dụng hơn 80% so với lúc mới, thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 17 của Quy chế Quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

c) Dự thảo văn kiện Chương trình, dự án, danh mục các khoản viện trợ phi dự án (bằng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài) và dự thảo Thỏa thuận viện trợ PCPNN cụ thể (nếu được yêu cầu để ký kết thay văn kiện Chương trình, dự án sau này).

d) Bản sao Giấy đăng ký hoạt động và/hoặc bản sao giấy tờ hợp pháp về tư cách pháp nhân của Bên tài trợ. Các bản sao cần được hợp pháp hóa lãnh sự để đảm bảo tính hợp pháp của văn bản.

- Đối với khoản viện trợ phi dự án là các phương tiện đã qua sử dụng thì ngoài các văn bản đã quy định nêu trên, cần có thêm các văn bản theo quy định tại điểm d, khoản 3, Điều 3 Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

- Hồ sơ khoản viện trợ được lập thành 06 bộ tài liệu, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc. Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

Điều 11. Thẩm định, phê duyệt việc tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định khoản viện trợ PCPNN; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt theo quy định.

2. Quy trình thẩm định gồm các bước như sau:

a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ thẩm định.

Đánh giá tính hợp lệ của bộ hồ sơ thẩm định trên cơ sở các quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

b) Bước 2: Tham vấn ý kiến của các cơ quan có liên quan.

Sau khi nhận đủ số bộ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bộ hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị góp ý kiến tới các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan đến nội dung khoản viện trợ PCPNN được đưa ra thẩm định.

c) Bước 3: Thẩm định.

Theo quy định tại Bước 3, điểm b, khoản 2, Điều 4 Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

3. Nội dung thẩm định.

a) Thẩm định chương trình, dự án viện trợ PCPNN.

Theo quy định tại khoản 5, Điều 10 của Quy chế Quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

b) Thẩm định viện trợ phi dự án.

Theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 11 của Quy chế Quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

4. Thời hạn thẩm định.

Thời hạn thẩm định đối với các khoản viện trợ phi dự án là không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Đối với chương trình, dự án viện trợ PCPNN là không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:

a) Bước 1: Thời hạn đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ thẩm định: không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Bước 2: Thời hạn các cơ quan liên quan trả lời ý kiến tham vấn bằng văn bản: không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày phát hành văn bản gửi góp ý kiến các cơ quan liên quan. Sau thời hạn trên, nếu các cơ quan liên quan không có ý kiến bằng văn bản gửi góp ý thì được xem là các cơ quan liên quan đồng ý với việc tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN.

c) Bước 3: Thời hạn thẩm định.

- Thời hạn chuẩn bị cho Hội nghị thẩm định không quá 02 ngày làm việc.

- Thời hạn chuẩn bị báo cáo thẩm định và biên bản Hội nghị thẩm định: không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức Hội nghị thẩm định.

- Thời hạn tổng hợp ý kiến không quá 03 ngày làm việc kể từ ngay sau ngày hết hạn nhận ý kiến tham vấn của các cơ quan liên quan.

5. Phê duyệt khoản viện trợ.

Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt khoản viện trợ PCPNN. Quy trình phê duyệt thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

6. Thông báo kết quả phê duyệt: Thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 15 của Quy chế Quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

7. Các cơ quan hữu quan tham gia thẩm định chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thẩm định chương trình, dự án viện trợ PCPNN và viện trợ phi dự án có liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

Chương IV **THỰC HIỆN CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ** **PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI**

Điều 12. Các hình thức quản lý, thực hiện Chương trình, dự án viện trợ PCPNN

1. Các hình thức quản lý, thực hiện Chương trình, dự án viện trợ PCPNN.

a) Chủ khoản viện trợ PCPNN hoặc Bên tiếp nhận trực tiếp quản lý, điều hành thực hiện hoặc giao cho một đơn vị thuộc thẩm quyền làm Chủ dự án trực tiếp quản lý, điều hành thực hiện Chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật.

b) Chủ khoản viện trợ PCPNN hoặc Bên tiếp nhận trực tiếp quản lý, điều hành thực hiện Chương trình, dự án đầu tư.

c) Ban Quản lý Chương trình, dự án viện trợ PCPNN (sau đây gọi tắt là Ban QLDA) được thành lập theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, Điều 19 Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

d) Ban Quản lý Chương trình, dự án viện trợ PCPNN có thể đồng thời quản lý nhiều Chương trình, dự án nếu tuân thủ các điều kiện sau:

- Đủ năng lực và được tổ chức theo hướng có các bộ phận chức năng phục vụ chung cho tất cả các dự án (đầu thầu, kế hoạch, tài chính, tổ chức, hành chính và quản lý nhân sự).

- Được cơ quan quyết định thành lập Ban QLDA cho phép bằng Quyết định thành lập Ban QLDA cho từng Chương trình, dự án cụ thể, tuân thủ các quy định của Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

2. Cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Ban QLDA (quy định tại Điều 6 Thông tư số 07/2010/TT-BKH).

3. Nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ khoản viện trợ PCPNN hoặc Bên tiếp nhận và Ban QLDA liên quan đến kế hoạch thực hiện Chương trình, dự án viện trợ PCPNN (quy định tại Điều 7 Thông tư số 07/2010/TT-BKH).

a) Ngay sau khi thành lập Ban QLDA, UBND tỉnh, Chủ dự án chỉ đạo Ban QLDA phối hợp với Nhà tài trợ rà soát, cập nhật, điều chỉnh (nếu cần thiết) kế hoạch tổng thể thực hiện Chương trình, dự án, chi tiết hóa kế hoạch thực hiện trong năm đầu tiên.

b) Trên cơ sở kế hoạch cập nhật tổng thể thực hiện Chương trình, dự án được UBND tỉnh phê duyệt, Chủ dự án phê duyệt kế hoạch chi tiết thực hiện Chương trình, dự án năm đầu tiên và từng năm tiếp theo.

Kế hoạch thực hiện Chương trình, dự án hàng năm phải được xây dựng và phê chuẩn phù hợp với lịch biểu xây dựng kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh.

Kế hoạch thực hiện Chương trình, dự án hàng năm là cơ sở để phân bổ các nguồn lực cho các hoạt động của Chương trình, dự án và là cơ sở để xây dựng kế hoạch thực hiện cho từng quý, phục vụ công tác điều hành, theo dõi, kiểm tra, đánh giá, khen thưởng đối với hoạt động quản lý dự án của Ban QLDA.

c) Ban QLDA có trách nhiệm lập kế hoạch giải ngân theo Phụ lục 6 của Thông tư số 07/2010/TT-BKH. Chủ khoản viện trợ PCPNN hoặc Bên tiếp nhận trình UBND tỉnh kế hoạch giải ngân hàng năm để tổng hợp và báo cáo theo quy định.

4. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình, dự án trong quá trình thực hiện (quy định tại Điều 8 Thông tư số 07/2010/TT-BKH).

5. Thuế đối với các khoản viện trợ PCPNN.

Thuế đối với các khoản viện trợ PCPNN được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về thuế đối với các khoản viện trợ.

6. Đấu thầu và đấu giá.

Việc đấu thầu hoặc đấu giá đối với khoản viện trợ PCPNN được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

7. Quản lý xây dựng, nghiệm thu, bàn giao, quyết toán.

a) Việc thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, cấp Giấy phép xây dựng, quản lý chất lượng công trình, nghiệm thu, bàn giao, bảo hành, bảo hiểm công trình xây dựng thuộc Chương trình, dự án đầu tư có nguồn vốn viện trợ PCPNN được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

b) Đối với Chương trình, dự án viện trợ PCPNN hỗ trợ kỹ thuật, sau khi kết thúc, chủ Chương trình, dự án tổ chức nghiệm thu, đánh giá, họp kiểm điểm và tiến hành các biện pháp cần thiết để khai thác và phát huy kết quả đạt được.

c) Việc quyết toán các khoản viện trợ PCPNN phải được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

8. Kiểm tra, thanh tra và giám sát việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN.

Việc kiểm tra, thanh tra và giám sát việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương V **GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN** **VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI**

Điều 13. Giám sát, đánh giá thực hiện viện trợ PCPNN

Việc giám sát, đánh giá thực hiện viện trợ PCPNN thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 14. Chế độ báo cáo và mẫu biểu báo cáo đối với Ban Quản lý Chương trình, dự án

1. Mẫu biểu báo cáo.

Bộ mẫu biểu báo cáo cấp Chương trình, dự án gồm các mẫu biểu báo cáo 6 tháng (Phụ lục 6.a), năm (Phụ lục 6.b) và báo cáo kết thúc Chương trình, dự án (Phụ lục 6.c) kèm theo Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

2. Chế độ báo cáo.

Ban Quản lý Chương trình, dự án có trách nhiệm lập và gửi báo cáo định kỳ cho chủ chương trình, dự án, cơ quan chủ quản, cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định tại Quy chế này.

Điều 15. Chế độ báo cáo và mẫu biểu báo cáo đối với Chủ khoản viện trợ PCPNN hoặc Bên tiếp nhận

1. Mẫu biểu báo cáo.

Bộ mẫu biểu báo cáo cấp Chủ khoản viện trợ PCPNN gồm các biểu báo cáo 6 tháng (Phụ lục 6.a), năm (Phụ lục 6.b) và báo cáo kết thúc Chương trình, dự án (Phụ lục 6.c) kèm theo Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

2. Chế độ báo cáo.

a) Báo cáo 6 tháng.

Chậm nhất vào ngày 01 tháng 7, Chủ khoản viện trợ PCPNN hoặc Bên tiếp nhận lập báo cáo định kỳ 6 tháng, theo các biểu mẫu từ Biểu 1 đến Biểu 8 (Phụ lục 6.a) bằng thư điện tử (mẫu Biểu 1 và Biểu 2 gửi cả bằng văn bản, fax và thư điện tử) về UBND tỉnh, Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh và các cơ quan, đơn vị trực thuộc có liên quan. Riêng mẫu Biểu 1 chỉ gửi một lần sau khi khoản viện trợ PCPNN được phê duyệt việc tiếp nhận (trừ khi có thay đổi).

b) Báo cáo năm.

Chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 năm tiếp sau, Chủ khoản viện trợ PCPNN hoặc Bên tiếp nhận phải gửi báo cáo theo mẫu Báo cáo tình hình thực hiện năm

(Phụ lục 6.b) bằng văn bản, fax và thư điện tử về UBND tỉnh, Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh và các cơ quan, đơn vị trực thuộc có liên quan.

c) Báo cáo kết thúc dự án.

Chậm nhất 6 tháng kể từ ngày kết thúc thực hiện chương trình, dự án, Chủ khoản viện trợ PCPNN hoặc Bên tiếp nhận phải gửi báo cáo theo mẫu Báo cáo kết thúc chương trình, dự án viện trợ PCPNN (Phụ lục 6.c) bằng văn bản, fax và thư điện tử về UBND tỉnh, Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh và các cơ quan, đơn vị trực thuộc có liên quan.

d) Báo cáo kết quả thực hiện khoản viện trợ phi dự án.

Chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thực hiện khoản viện trợ phi dự án, Chủ khoản viện trợ PCPNN hoặc Bên tiếp nhận phải gửi báo cáo kết quả thực hiện khoản viện trợ phi dự án bằng văn bản, fax và thư điện tử về UBND tỉnh, Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh và các cơ quan, đơn vị trực thuộc có liên quan.

Điều 16. Chế độ báo cáo và mẫu biểu báo cáo về kết quả phê duyệt, quản lý các khoản viện trợ PCPNN thuộc quyền quản lý của Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN

1. Báo cáo 6 tháng.

Chậm nhất vào ngày 10 tháng 7, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh báo cáo theo mẫu Phụ lục 8 kèm theo Thông tư số 07/2010/TT-BKH, bằng văn bản (hoặc fax) và thư điện tử về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan, đơn vị trực thuộc có liên quan.

2. Báo cáo năm.

Chậm nhất vào ngày 25 tháng 01 năm tiếp sau, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh gửi báo cáo theo mẫu Phụ lục 8 kèm theo Thông tư số 07/2010/TT-BKH, bằng văn bản (hoặc fax) và thư điện tử về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban Công tác về các tổ chức PCPNN và các cơ quan, đơn vị trực thuộc có liên quan.

Điều 17. Chế độ báo cáo và mẫu biểu báo cáo đối với Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh

Lập báo cáo tổng hợp định kỳ hàng năm về tình hình vận động, thu hút viện trợ PCPNN trong tỉnh (Phụ lục 9 kèm theo Thông tư số 07/2010/TT-BKH) gửi Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị Việt Nam để tổng hợp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định (bằng văn bản, fax và thư điện tử); báo cáo trước ngày 15 tháng 01 năm tiếp sau; đồng thời, gửi cho UBND tỉnh, Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

Điều 18. Chế độ báo cáo và mẫu biểu báo cáo đối với Sở Tài chính

Sở Tài chính lập báo cáo tổng hợp định kỳ hàng năm về tình hình tiếp nhận, giải ngân các khoản viện trợ PCPNN trong tỉnh (Phụ lục 10 kèm theo Thông tư số 07/2010/TT-BKH) gửi Bộ Tài chính để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ (bằng

văn bản); báo cáo trước ngày 15 tháng 02 năm tiếp sau; đồng thời, gửi cho UBND tỉnh, Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh.

Điều 19. Chế độ báo cáo và mẫu biểu báo cáo đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo tổng hợp định kỳ hàng năm về tình hình phê duyệt, thực hiện các khoản viện trợ PCPNN trong tỉnh (Phụ lục 11 kèm theo Thông tư số 07/2010/TT-BKH) gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ (bằng văn bản); báo cáo trước ngày 15 tháng 3 năm tiếp sau; đồng thời, gửi cho UBND tỉnh, Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính, Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh.

Điều 20. Kiểm tra, thanh tra và giám sát việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN

Việc kiểm tra, thanh tra và giám sát việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VI

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC SỞ, NGÀNH, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN VỀ VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI

Điều 21. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối về quản lý viện trợ PCPNN, có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Chủ trì thẩm định và tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN theo quy định và việc bổ sung, điều chỉnh các Chương trình, dự án theo quy định.

2. Chủ trì soạn thảo, trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN.

3. Chủ trì và phối hợp với Sở Tài chính bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách Nhà nước hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ PCPNN đã cam kết với Bên tài trợ theo quy định của Luật Ngân sách.

4. Phối hợp với Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh và các cơ quan liên quan xây dựng các đề xuất chương trình, dự án làm cơ sở cho việc vận động viện trợ PCPNN.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về viện trợ PCPNN và các cơ quan liên quan tổ chức việc giám sát, kiểm tra tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ PCPNN; tổng hợp, phân tích và đánh giá hiệu quả viện trợ PCPNN; xử lý những vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền và kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định những vấn đề vượt thẩm quyền.

6. Chủ trì, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh.

7. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến thẩm định các Chương trình, dự án đối với các dự án không thuộc thẩm quyền phê duyệt của tỉnh.

8. Phổ biến các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ về chuẩn bị, thẩm định, quản lý thực hiện, theo dõi, đánh giá việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ PCPNN.

Điều 22. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tài chính

1. Chủ trì và phối hợp cùng các cơ quan liên quan xây dựng chế độ quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ PCPNN theo thẩm quyền; lập kế hoạch vốn chuẩn bị để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hàng năm của tỉnh theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách Nhà nước hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để tiếp nhận và thực hiện các khoản viện trợ PCPNN đã cam kết với Bên tài trợ theo quy định của Luật Ngân sách.

3. Tổng hợp quyết toán tài chính của mọi khoản viện trợ PCPNN định kỳ theo quy định.

4. Có trách nhiệm kiểm tra các quy định về quản lý tài chính đối với việc sử dụng viện trợ PCPNN của các Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN.

5. Tham gia thẩm định và góp ý kiến đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

6. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh và các đơn vị có liên quan tổ chức việc theo dõi, kiểm tra tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện khoản viện trợ PCPNN.

Điều 23. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Ngoại vụ

1. Phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác vận động và tranh thủ viện trợ PCPNN.

2. Hỗ trợ các thủ tục hành chính trong việc triển khai các chương trình hoặc dự án nhân đạo, phát triển và viện trợ khẩn cấp do các tổ chức PCPNN giúp đỡ địa phương.

3. Cung cấp, chia sẻ thông tin về các tổ chức PCPNN, các chương trình, dự án, khoản viện trợ PCPNN với các cơ quan, đơn vị có liên quan. Thông tin về nhu cầu, lĩnh vực, địa bàn vận động viện trợ với các tổ chức PCPNN. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, có liên quan trong công tác vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn viện trợ PCPNN.

4. Phối hợp giải quyết các vướng mắc, vấn đề phát sinh trong quá trình tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN theo thẩm quyền.

Điều 24. Nhiệm vụ và quyền hạn của Công an tỉnh

1. Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức Việt Nam trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

2. Tham gia thẩm định và góp ý kiến với Sở Kế hoạch và Đầu tư về các

khoản viện trợ PCPNN trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Tham gia giám sát việc vận động, tiếp nhận và sử dụng viện trợ PCPNN, đặc biệt chú trọng tới khía cạnh tác động đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN.

4. Thực hiện việc quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú, đi lại đối với người nước ngoài vào làm việc trong các tổ chức PCPNN tại tỉnh Cà Mau.

5. Tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới việc vận động, tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN.

Điều 25. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Nội vụ

Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức Việt Nam chấp hành thực hiện đường lối, chính sách tôn giáo, dân tộc của Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN.

Điều 26. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp

Thẩm định về nội dung các Chương trình, dự án viện trợ PCPNN trong lĩnh vực pháp luật thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 27. Nhiệm vụ và quyền hạn của Văn phòng UBND tỉnh

1. Giúp Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

2. Tham gia thẩm định và đề xuất kiến nghị về chính sách đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 28. Nhiệm vụ và quyền hạn của Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh

Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh là cơ quan đầu mối trong quan hệ và vận động viện trợ PCPNN, có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan căn cứ định hướng, kế hoạch thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ bên ngoài của Nhà nước hoặc từng ngành, của tỉnh trong từng thời kỳ để xây dựng Chương trình, dự án vận động viện trợ PCPNN theo từng giai đoạn phù hợp với định hướng, kế hoạch chung.

2. Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các hoạt động vận động viện trợ PCPNN cho tỉnh Cà Mau theo kế hoạch.

3. Chủ trì và phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan hướng dẫn các Bên tiếp nhận trong công tác vận động và tiếp nhận viện trợ PCPNN.

4. Lập và gửi báo cáo tổng hợp 6 tháng, hàng năm về tình hình vận động và thực hiện các khoản viện trợ PCPNN thuộc quyền quản lý theo quy định.

5. Cung cấp các thông tin về tình hình cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép và hoạt động của các tổ chức PCPNN để làm cơ sở cho việc tiến hành vận động và thẩm định viện trợ PCPNN theo quy định hiện hành.

6. Phối hợp với Sở Ngoại vụ tham mưu UBND tỉnh kiến nghị Bộ Ngoại giao về chủ trương vận động cứu trợ khẩn cấp.

Điều 29. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cà Mau

Chủ trì tổ chức tiếp nhận, phân phối sử dụng các khoản cứu trợ khẩn cấp không có địa chỉ cụ thể (Bên tài trợ không ấn định cứu trợ cho một địa phương cụ thể nào) và thông báo tới Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 30. Nhiệm vụ và quyền hạn của UBND các huyện, thành phố Cà Mau

1. Phối hợp với Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị và các cơ quan đơn vị có liên quan xây dựng Chương trình, dự án vận động viện trợ PCPNN và bố trí vốn đối ứng cho các Chương trình, dự án thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của địa phương.

2. Tham gia thẩm định và góp ý kiến với Sở Kế hoạch và Đầu tư về các khoản viện trợ PCPNN thuộc địa bàn quản lý và việc bổ sung, điều chỉnh các Chương trình, dự án theo quy định.

3. Hỗ trợ, tham gia giám sát các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong quá trình vận động, tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền quản lý.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Khen thưởng

Hàng năm, Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp danh sách đề nghị khen thưởng của các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các nội dung quy định tại Quy chế này được khen thưởng theo quy định pháp luật hiện hành về thi đua và khen thưởng.

Điều 32. Xử lý vi phạm

1. Theo quy định tại Điều 43 của Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn viện trợ PCPNN thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 33. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị được giao làm cơ quan đầu mối trong Quy chế này có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể đối với hoạt động mình phụ trách và phân công công chức phụ trách hoạt động tại cơ quan, đơn vị mình; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện các hoạt động vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn viện trợ PCPNN.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có phát sinh, vướng mắc, khó khăn đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Trần Hồng Quân